

Số: ~~1310~~ /QĐ-UBND

Giang Thành, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Lê Văn Đầy để thực hiện
Công trình đường dây 110kV Tịnh Biên – Hà Tiên trên
địa bàn huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định
số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-
CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị
định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP
ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định
quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BNTMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục
đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6
năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
UBND tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số
02/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang
sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết
định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên
Giang; Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của UBND
tỉnh Kiên Giang Ban hành quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên
Giang; Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của
UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên
Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12
năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang;



Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 215/TTr-TNMT ngày 25 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 21,8m² đất, loại đất trồng cây hàng năm (trồng lúa), thuộc một phần thửa đất số 0, thuộc tờ bản đồ số 0, tại ấp Tà Teng, xã Phú Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang của ông (bà) Lê Văn Đầy, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp Trần Thệ, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Lý do thu hồi đất: Thực hiện Công trình đường dây 110kV Tịnh Biên – Hà Tiên trên địa bàn huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 337-2024, do Công ty TNHH Đầu Tư Đo Đạc Đông Dương lập ngày 19/07/2024 kèm theo.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Lợi có trách nhiệm giao Quyết định này cho ông (bà) Lê Văn Đầy. Trường hợp ông (bà) Lê Văn Đầy không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phú Lợi, tại ấp Tà Teng, xã Phú Lợi theo quy định.

2. Văn phòng HĐND-UBND huyện có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của huyện.

3. Giao Ủy ban nhân dân xã Phú Lợi quản lý chặt chẽ diện tích đất đã thu hồi; phối hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cơ quan, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *phv*

Nơi nhận: *hi*

- Như Điều 3;
- Thanh tra huyện;
- Phòng TNMT;
- Chi nhánh VPKĐĐ huyện;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Mến

XÃ PHÚ LỢI

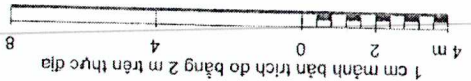
MẠNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH SỐ: 337.....- 2024
HỆ TỌA ĐỘ VN-2000, AP TÀ TENG, TỜ SỐ 0, MỘT PHẦN THỪA 0 (GCN)

TỈNH KIẾN GIANG HUYỆN GIANG THÀNH

TD 337.....- 2024

515 1153 507	160	180	515 1153 208	200	507																																																					
- Dự án: Đường dây 110KV Tỉnh Biên - Hà Tiên, trên địa bàn huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang - Chủ sử dụng đất: Lê Văn Dầy																																																										
515 1153 500	160			500																																																						
515 1153 487	160	Ghi chú: - Mạnh trích đo địa chính kèm theo Quyết định thu hồi đất.		515 1153 487	208																																																					
Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 104° 30', mũi chiều 3° <table><tr><td rowspan="2">Điểm</td><td rowspan="2">X</td><td rowspan="2">Y</td><td rowspan="2">Cạnh (m)</td><td colspan="5">Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa</td></tr><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr><tr><td>1</td><td>1153500,13</td><td>515173,45</td><td>5,20</td><td>1</td><td>1153500,13</td><td>515173,45</td><td>4,20</td></tr><tr><td>2</td><td>1153496,83</td><td>515177,47</td><td>4,20</td><td>2</td><td>1153496,83</td><td>515177,47</td><td>5,20</td></tr><tr><td>3</td><td>1153493,59</td><td>515174,80</td><td>5,20</td><td>3</td><td>1153493,59</td><td>515174,80</td><td>4,20</td></tr><tr><td>4</td><td>1153496,89</td><td>515170,78</td><td>4,20</td><td>4</td><td>1153496,89</td><td>515170,78</td><td>5,20</td></tr><tr><td>1</td><td>1153500,13</td><td>515173,45</td><td>4,20</td><td>1</td><td>1153500,13</td><td>515173,45</td><td>5,20</td></tr></table>						Điểm	X	Y	Cạnh (m)	Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa					1	2	3	4	1	1153500,13	515173,45	5,20	1	1153500,13	515173,45	4,20	2	1153496,83	515177,47	4,20	2	1153496,83	515177,47	5,20	3	1153493,59	515174,80	5,20	3	1153493,59	515174,80	4,20	4	1153496,89	515170,78	4,20	4	1153496,89	515170,78	5,20	1	1153500,13	515173,45	4,20	1	1153500,13	515173,45	5,20
Điểm	X	Y	Cạnh (m)	Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa																																																						
				1	2	3	4																																																			
1	1153500,13	515173,45	5,20	1	1153500,13	515173,45	4,20																																																			
2	1153496,83	515177,47	4,20	2	1153496,83	515177,47	5,20																																																			
3	1153493,59	515174,80	5,20	3	1153493,59	515174,80	4,20																																																			
4	1153496,89	515170,78	4,20	4	1153496,89	515170,78	5,20																																																			
1	1153500,13	515173,45	4,20	1	1153500,13	515173,45	5,20																																																			
515 1153 208	160	180	515 1153 208	200	507																																																					

TỶ LỆ: 1:200



Ngày 19 tháng 7 năm 2024
Người kiểm tra

Ngày 19 tháng 7 năm 2024
Người đo vẽ

Nguyễn Quốc Sử

Nguyễn Văn Khương

